

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

Tên dự toán: Mua xăng RON 95-III, xăng E5 RON 92-II và dầu DO 0,05S-II

Tên gói thầu: Mua xăng RON 95-III, xăng E5 RON 92-II và dầu DO 0,05S-II.

Giá gói thầu: 1.183.448.970 đồng.

Nguồn vốn: *Ngân sách Quốc phòng năm 2025.*

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng.

Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.

Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025.

Loại hợp đồng: Trọn gói.

Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Hàng hoá có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp; hàng hóa mới 100% và được sản xuất trong năm 2025.

- Đối với hàng hoá nhập khẩu: Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi giao hàng; trường hợp chưa có Giấy chứng nhận C/O thì phải cung cấp Văn bản thông báo xác định trước xuất xứ hàng hoá của Tổng cục Hải quan.

- Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Cung cấp bản scan từ bản gốc của Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi giao hàng.

- Có Chứng thư (Giấy chứng nhận) giám định số lượng và chất lượng lô hàng.

- Thời hạn bảo hành tối thiểu 12 tháng tính từ thời điểm hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Đóng gói hàng hoá: Hàng hoá nhiên liệu được chứa đựng trên bồn, bể chuyên dụng lắp trên phương tiện vận chuyển là ô tô xi téc; thể tích chứa tối thiểu của 01 xe là 15 m³.

- Một lần giao hàng (trong 01 ngày trong giờ hành chính) tối thiểu 30 m³, tối đa giao hết số lượng theo khối lượng mời thầu. Nhà thầu sở hữu xe ô tô xitec hoặc có hợp đồng thuê, mượn có khả năng giao hàng 02 lần là đủ số lượng phải cung cấp theo Hợp đồng.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể: Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng RON 95 mức 3 và E5 RON 92-II và dầu Diesel 0,05S mức 2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học (QCVN 01:2022/BKHCN).

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thí nghiệm hàng hóa của nhà thầu để khẳng định hàng hóa có đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu của hàng hóa được nêu trong E-HSMT.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra thí nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng theo yêu cầu của E-HSMT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt theo quy định.

- Khi giao nhận hàng phải tuân thủ các yếu tố sau:

+ Đơn vị tính trong giao nhận lít thực tế.

+ Lấy mẫu thử: Theo TCVN 6777: 2007 (ASTM D 4057-06);

+ Phương pháp, dụng cụ đo tính, xác định thể tích (lít): Tuân theo tiêu chuẩn ngành TCN 01:2000 “nhiên liệu dầu mỏ thể lỏng, quy tắc giao nhận” ban hành kèm theo quyết định số: 1783/2000/QĐ-BTM ngày 26/12/2000 của Bộ Thương mại (Viết tắt là TCN 01:2000) và theo quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương);

- Đối với hàng hóa chủ đầu tư muốn gửi lại. Nhà thầu phải đồng ý giữ hàng lại trong kho của nhà thầu (Không tính phí lưu kho, hao hụt đối với hàng hóa mà chủ đầu tư gửi lại). Hàng hóa mà chủ đầu tư gửi lại, nhà thầu phải đồng ý vận chuyển cho chủ đầu tư chậm nhất sau 12 giờ kể từ khi có yêu cầu của chủ đầu tư (không tính chi phí vận chuyển).

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của toàn bộ hàng hoá cung cấp. Trường hợp xảy ra bất kỳ khiếu kiện liên quan đến hàng hoá mà nhà thầu cung cấp thì Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu nếu trường hợp xảy ra tranh chấp, khiếu kiện.

Trong trường hợp có yêu cầu, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng nhận xuất xứ hàng hóa, tài liệu chứng nhận chất lượng hàng hóa hoặc chứng nhận phân tích đối với các hàng hóa Nhà thầu đã cung cấp;

- Thu hồi; đổi trả: Nhà thầu chịu toàn bộ trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không sử dụng được, có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu hoặc phát hiện nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa không hợp pháp.

*** Đối với hàng hoá nhập khẩu:**

- Cung cấp bản sao có chứng thực của Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi giao hàng; trường hợp chưa có Giấy chứng nhận C/O thì phải cung cấp bản sao có chứng thực của Văn bản thông báo xác định trước xuất xứ hàng hoá của Tổng cục Hải quan.

*** Đối với hàng hoá sản xuất trong nước:**

- Cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi giao hàng.

*** Đối với hàng hóa dự thầu:**

Nhà thầu cung cấp đầy đủ tài liệu dưới dạng bản chụp màu (scan màu) từ bản gốc và đính kèm trong E-HSDT:

- Cung cấp Chứng thư giám định chất lượng lô hàng (trường hợp Chứng thư tra cứu trực tuyến được tại website của Tổ chức giám định thì cung cấp mã số hồ sơ tra cứu, hoặc mã quét QRcode thay thế cho chứng thực);

- Các Phiếu kết quả thử nghiệm đối với hàng hoá chào thầu của Phòng thí nghiệm đạt chứng nhận VILAS để chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng toàn bộ chỉ tiêu chất lượng (Ngày nhận mẫu và nơi gửi mẫu là bắt kỳ);

Yêu cầu về kỹ thuật đối với các loại hàng hóa sẽ cung cấp cho gói thầu

Bất kỳ nhãn hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, nhãn hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nêu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của thiết bị thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng.

Sai số cho phép đối với 1 số thông số của hàng hóa chào thầu: Không quá 2% về kích thước và khối lượng/trọng lượng của hàng hóa (nếu có).

Bảng số 1: Chỉ tiêu chất lượng dầu Diesel 0,05S mức 2

Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Phương pháp thử
1. Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, không lớn hơn	500	TCVN 6701 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)
2. Xêtan, không nhỏ hơn		
- Trị số xêtan	46	TCVN 7630 (ASTM D 613)
- Chỉ số xêtan	46	TCVN 3180 (ASTM D 4737)
3. Nhiệt độ cất, °C, không lớn hơn		TCVN 2698 (ASTM D 86)
- 90 % thể tích thu hồi	360	
- 95 % thể tích thu hồi	-	
4. Điểm chớp cháy cốc kín, °C, không nhỏ hơn	55	TCVN 6608 (ASTM D 3328) TCVN 2693 (ASTM D 93)
5. Độ nhớt động học ở 40 °C, mm ² /s		TCVN 3171 (ASTM D 445)
- Không nhỏ hơn	2,0	
- Không lớn hơn	4,5	
6. Điểm chảy (điểm đông đặc), °C		TCVN 3753 (ASTM D 97)

Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Phương pháp thử
- Mùa hè	+12	
- Mùa đông	+3	
7. Hàm lượng nước, mg/kg, không lớn hơn	200	TCVN 3182 (ASTM D 6304)
8. Hàm lượng hydrocacbon thơm đa vòng (PAH), % khối lượng, không lớn hơn	-	TCVN 11587 (ASTM D 5186) TCVN 11589 (ASTM D 6591)
9. Tạp chất dạng hạt, mg/L, không lớn hơn	10	TCVN 2706 (ASTM D 6217)

Bảng số 2. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng RON 95-III (Theo tiêu chuẩn TCVN 6776: 2024)

ST T	Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp kiểm tra
		2	3	4	5	
1	Trị số ôctan (RON),min	90/92/95	92/95/97	92/95/97	92/95/97	TCVN 2703 ASTM D 2699
2	Hàm lượng chì, g/L,max	0,005	0,005	0,005	0,005	TCVN 7143 (ASTMD 3237) TCVN 6704 (ASTM D5059)
3	Thành phần cất phân đoạn: -Điểm sôi đầu, °C -10% thể tích, °C, max -50% thể tích, °C, max -90% thể tích, °C, max -Điểm sôi cuối, °C, max -Cặn cuối, % thể tích, max	Báo cáo 70 120 190 215 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	TCVN 2698 ASTM D86
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/3h,max	Loại 1	Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 2694 ASTM D 130
5	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi) mg/100mg, max	5	5	5	5	TCVN 6593 ASTM D 381

6	Độ ổn định ô xy hóa, phút, min	480	480	480	480	TCVN 6778 ASTM D 525
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	500	150	50	10	TCVN 7760 ASTM D 5453 TCVN 6701 ASTM D 2622 TCVN 3172 ASTM D 5191
8	Áp suất hơi (Reid) ở 37,8°C, kPa	43-75	43-75	43-75	43-75	TCVN 7023 ASTM D 5191 TCVN 11588 ASTM D5191
9	Hàm lượng Benzen, % thể tích, max	2,5	2,5	1,0	1,0	TCVN 6703 ASTM D 3606 TCVN 3166 ASTM D 5580
10	Hàm lượng Hydrocacbon thơm, % thể tích, max	40	40	40	35	TCVN 7330 ASTM D 1319 TCVN 3166 ASTM D 5580
11	Hàm lượng olefin, % thể tích, max	38	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 7330 ASTM D 1319
12	Hàm lượng ôxy, % khối lượng, max	2,7	2,7	2,7	2,7	TCVN 7332 ASTM D 4815
13	Hợp chất oxygenat, % thể tích, max -Etanol -Metanol -Iso-propyl ancol - Iso-butyl ancol -Tert-butyl ancol -Ete (số nguyên tử C \geq 5) Riêng MBTE -Aceton	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	<4 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	TCVN 7332 ASTM D 4815
14	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m ³	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 6594 ASTM S 1298 TCVN 8314 ASTM D 3831
15	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L, max	5	5	5	5	TCVN 7331 ASTM D3831

16	Ngoại quan	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	TCVN 7759 ASTMD 4176
----	------------	---	---	---	---	-------------------------

Bảng số 3. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng E5 RON 92-II theo TCVN 8063:2024

STT	Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp kiểm tra
		2	3	4	5	
1	Trị số octan (RON),min	92/95	92/95/97	92/95/97	92/95/97	TCVN 2703 ASTM D 2699
2	Hàm lượng chì, g/L,max	0,005	0,005	0,005	0,005	TCVN 7143 (ASTMD 3237) TCVN 6704 (ASTM D5059)
3	Thành phần cất phân đoạn: -Điểm sôi đầu, °C -10% thể tích, °C, max -50% thể tích, °C, max -90% thể tích, °C, max -Điểm sôi cuối, °C, max -Cặn cuối, % thể tích, max	Báo cáo 70 120 190 215 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	TCVN 2698 ASTM D86
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/3h,max	Loại 1	Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 2694 ASTM D 130
5	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi)	5	5	5	5	TCVN 6593 ASTM D 381

	mg/100mg, max					
6	Độ ổn định ôxy hóa, phút, min	480	480	480	480	TCVN 6778 ASTM D 525
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	500	150	50	10	TCVN 7760 ASTM D 5453 TCVN 6701 ASTM D 2622 TCVN 3172 ASTM D 5191
8	Áp suất hơi (Reid) ở 37,8°C, kPa	43-80	43-80	43-80	43-80	TCVN 7023 ASTM D 5191 ASTM D5191
9	Hàm lượng Benzen, % thể tích, max	2,5	2,5	1,0	1,0	TCVN 3166 ASTM D 5580
10	Hàm lượng Hydrocacbon thơm, % thể tích, max	40	40	40	35	TCVN 7330 ASTM D 1319 TCVN 3166 ASTM D 5580 TCVN 12015 ASTM D 6839
11	Hàm lượng olefin, % thể tích, max	38	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 7330 ASTM D 1319 TCVN 12014 ASTM D 6296 TCVN 12015 ASTM D 6839
12	Hàm lượng ôxy, % khối lượng, max	3,7	3,7	3,7	3,7	TCVN 7332 ASTM D 4815
13	Hợp chất oxygenat, % thể tích, max -Etanol -Metanol -Iso-propyl ancol - Iso-butyl ancol -Tert-butyl ancol -Ete (số nguyên tử C _≥ 5) Riêng MBTE -Aceton	4-5 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	4-5 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	4-5 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	4-5 KPH 10,0 10,0 7,0 15,0 10 KPH	TCVN 7332 ASTM D 4815

14	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m ³	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 6594 ASTM S 1298 TCVN 8314 ASTM D 3831
15	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L, max	5	5	5	5	TCVN 7331 ASTM D3831 ASTM D 5863
16	Ngoại quan	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	TCVN 7759 ASTMD 4176

- Khi nhà thầu tiến hành công việc, nhà thầu phải cam kết chấp hành và có phương án thực hiện nghiêm quy định của Bộ Quốc phòng về quản lý, bảo vệ công trình Quốc phòng và khu vực quân sự. Cụ thể: Khi nhà thầu có nhu cầu hoặc kế hoạch khảo sát, lấy mẫu thí nghiệm tại các phương tiện hoặc làm việc khảo sát kho tàng, hoặc trước khi ký hợp đồng, nhà thầu cần lên danh sách nhân sự sẽ thực hiện các hạng mục công việc của nhà thầu (lái xe, công nhân kỹ thuật ...) kèm theo bản xác minh lý lịch nhân sự (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú) gửi trước cho Chủ đầu tư từ 03 đến 05 ngày để Chủ đầu tư rà soát, kiểm tra và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt, hỗ trợ nhà thầu thuận lợi trong quá trình làm việc. Khi thực hiện các nội dung này, nếu nhà thầu cần nội dung chi tiết hơn có thể liên hệ Chủ đầu tư (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai) sẽ hỗ trợ cung cấp.

❖ Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa:

- Nhà thầu có Văn bản đảm bảo đủ các nội dung:

+ Cung cấp bản sao có chứng thực của Giấy phép (Còn hiệu lực) của cơ quan Nhà nước cấp cho của người vận tải về việc vận chuyển hàng hoá nguy hiểm là xăng dầu trên phương tiện ô-tô xi-téc; trường hợp Nhà thầu không phải là người vận tải (không sở hữu ô-tô xi-téc) thì phải cung cấp thêm Hợp đồng vận chuyển với người vận tải;

+ Bản sao có chứng thực của Giấy chứng nhận kiểm định dung tích xe ô-tô xi-téc khi giao hàng.

+ Có hợp đồng bảo hiểm hàng hóa vận chuyển $\geq 100\%$ Tổng giá trị hàng hóa tham dự thầu.

- Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết về kế hoạch, phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa trong điều kiện thời tiết bất lợi như mưa bão và dịch bệnh để không ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và tiến độ cung cấp hàng hóa. Có thuyết minh phân tích cụ thể cung đường vận chuyển, cách thức vận chuyển đảm bảo

chất lượng hàng hóa. Nhà thầu phải thuyết minh rõ ràng, chi tiết, hợp lý về phương án đảm bảo tiến độ cung cấp hàng hóa theo kế hoạch phù hợp với hiện trạng gói thầu đang xét. Nhà thầu phải có thuyết minh rõ ràng, cụ thể các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, trong quá trình sản xuất (hoặc trong quá trình nhập hàng đối với nhà thầu thương mại) và cung cấp hàng hóa theo quy định, thuyết minh rõ ràng chi tiết các biện pháp xử lý khi xảy ra tai nạn lao động. Nhà thầu phải có thuyết minh rõ ràng, cụ thể khi giao hàng phải có biện pháp kiểm tra nghiệm thu đảm bảo chất lượng và số lượng đảm bảo tiến độ hợp đồng trong đó phải nêu rõ trách nhiệm của các bên trong quá trình giao nhận, thuyết minh rõ phương án khi đến địa điểm tập kết (khu vực quân sự, kho chứa của chủ đầu tư), thuyết minh rõ ràng chi tiết kế hoạch và giải pháp quản lý nhân sự ra vào công Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai phòng ngừa rủi ro gây mất an ninh, an toàn trật tự và cho các hoạt động khác của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai, thuyết minh trách nhiệm của nhà thầu trong trường hợp xảy ra sự cố và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý, phù hợp với hiện trạng, tính chất gói thầu đang xét. Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hoá, bảo quản hàng hoá trước khi giao hàng và trong quá trình vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao hàng bảo đảm chất lượng và hiệu quả kinh tế với hiện trạng, tính chất gói thầu. Nhà thầu phải có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, chi tiết biện pháp phòng chống cháy nổ, chống tràn dầu, an toàn cho người, phương tiện, hàng hóa, cơ sở vật chất trong quá trình vận chuyển, cung cấp hàng hóa. Có sơ đồ quản lý chất lượng hàng hóa hợp lý, khả thi kèm theo, trong đó phải có các bước, quy trình thể hiện rõ các giai đoạn kiểm tra trong sơ đồ. Nhà thầu phải có bảng tiến độ cung cấp chi tiết kèm theo.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong đó, các nội dung bắt buộc cần kiểm tra và thử nghiệm (Theo Điều 19, Điều 20, Điều 21 của Quy định về Chế độ bảo đảm chất lượng xăng dầu trong Quân đội , ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-HC ngày 02/8/2017 của Tổng cục Hậu cần) được tóm tắt tại mục 3.1 và mục 3.2 dưới đây.

- Kiểm tra hành chính;
- Kiểm tra niêm phong vật chứa;
- Kiểm tra nhanh bằng mắt thường;
- Lấy mẫu tại 100% số phương tiện vận chuyển đến để lưu và hậu kiểm;
- Tiến hành tạm nhập hàng vào kho;
- Lấy mẫu trung bình của đợt nhập hàng để phân tích chất lượng toàn bộ;
- Đánh giá chất lượng xăng dầu, làm thủ tục nhập hàng chính thức.